



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 8 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và xây dựng Bạch Đằng
Laboratory: *Bach Dang testing survey and construction joint stock company*

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và xây dựng Bạch Đằng
Organization: *Bach Dang testing survey and construction joint stock company*

Số hiệu/ Code: VILAS 240

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng
Field of testing: *Civil Engineering*

Người quản lý/ *Laboratory*
manager: Trần Hữu Sơn

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày/ from 08/2025 đến ngày/ to 30/08/2030

Địa chỉ: 268 Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng
Address: *No. 268, Tran Nguyen Han street, An Bien Ward, Hai Phong City*

Địa điểm: 268 Trần Nguyên Hãn, phường An Biên, Thành phố Hải Phòng
Location: *No. 268, Tran Nguyen Han street, An Bien Ward, Hai Phong City*

Điện thoại/ *Tel:* 02253856433

Email: bachdangtsc@gmail.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 240

Lĩnh vực thử nghiệm: Vật liệu xây dựng

Field of testing: Civil Engineering

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Đất <i>Soil</i>	Xác định thành phần hạt <i>Determination of partical size</i>	--	TCVN 4198:2014
2.		Xác định độ ẩm và độ hút ẩm <i>Determination of moisture and hydropscopic water amount</i>	--	TCVN 4196:2012
3.		Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy <i>Determination of plastic limit and liquid limit</i>	--	TCVN 4197:2012
4.		Xác định khối lượng thể tích <i>Determination of unit weight</i>	--	TCVN 4202:2012
5.	Cốt liệu cho bê tông và vữa <i>Aggregates for concrete and mortar</i>	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn <i>Determination of apparent specific gravity, bulk specific gravity and water absorption of original stone and coarse aggregate particles</i>	--	TCVN 7572-5:2006
6.		Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng <i>Determination of bulk density and voids</i>	--	TCVN 7572-6:2006
7.		Xác định thành phần hạt <i>Determination of partical size</i>	--	TCVN 7572-2:2006
8.		Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước <i>Determination of apparent specific gravity, bulk specific gravity and water absorption</i>	--	TCVN 7572-4:2006
9.		Xác định hàm lượng bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ <i>Determination of content of dust, mud and clay in aggregate and content of clay lumps in fine aggregate</i>	--	TCVN 7572-8:2006

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 240

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Cốt liệu cho bê tông và vữa <i>Aggregates for concrete and mortar</i>	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc <i>Determination of strength and softening coefficient of the original stone</i>	--	TCVN 7572-10:2006
11.		Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ <i>Determination of organic impurities content</i>	--	TCVN 7572-9:2006
12.	Xi măng <i>Cement</i>	Xác định cường độ <i>Determination of strength</i>	--	TCVN 6016:2011
13.		Xác định độ mịn xi măng Phương pháp sàng <i>Determination of fineness, Sieve method</i>	--	TCVN 13605:2023
14.		Xác định độ dẻo tiêu chuẩn <i>Determination of water used for standard consistency</i>	--	TCVN 6017 : 2015
15.		Xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích <i>Determination of setting time and soundness</i>	--	TCVN 6017 : 2015
16.	Bê tông nặng <i>Heavy weight Concrete</i>	Xác định cường độ chịu nén <i>Determination of compressive strength</i>	Đến / To 3000 kN	TCVN 3118:2022
17.	Vữa xây dựng <i>Mortar for Masonry</i>	Xác định độ lưu động <i>Determination of consistence of fresh mortar</i>	--	TCVN 3121-3:2022
18.		Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn <i>Determination of flexural and compressive strength of hardened mortars</i>	Đến / To 100 kN	TCVN 3121-11:2022
19.	Gạch xây <i>Bricks</i>	Xác định cường độ nén <i>Determination of compressive strength</i>	Đến / to 490 kN	TCVN 6355-2:2009
20.		Xác định cường độ uốn <i>Determination of bending strength</i>	Đến / to 100 kN	TCVN 6355-3:2009
21.		Xác định độ hút nước <i>Determination of water absorption</i>	--	TCVN 6355-4:2009

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 240

Ghi chú/ Notes:

Trường hợp Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và xây dựng Bạch Đằng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty cổ phần thí nghiệm khảo sát và xây dựng Bạch Đằng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Bach Dang testing survey and construction joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

